

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/DS-PT

Ngày: 17 - 5 - 2018

V/v kiện chia tài sản chung.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Đình Thủy.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Vận.

Bà Nguyễn Thị Dụ.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình:*** Ông Bùi Đức Hạnh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự phúc thẩm thụ lý số: 07/2018/ TLPT - DS ngày 08 tháng 3 năm 2018 về việc yêu cầu chia tài sản chung. Do bản án Dân sự sơ thẩm số: 01/2018/DS-ST, ngày 03 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hòa Bình bị kháng cáo, kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 09/2018/QĐ-PT ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà **Bùi Thị X.** Sinh năm 1940. Có mặt.

Địa chỉ: Xóm M, xã Y, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

***- Bị đơn:*** Ông **Nguyễn Văn T.** Sinh năm 1964. Có mặt.

Địa chỉ: Xóm M, xã Y, Thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

***- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

**1. Bà Nguyễn Thị C1.** Sinh năm 1965. Có mặt.

**2. Chị Nguyễn Thị Ch.** Sinh năm 1987. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Xóm M, xã Y, Thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

**3. Chị Nguyễn Thị Tr.** Sinh năm 1995. Vắng mặt.

Địa chỉ: Xã T, huyện Đ, Hòa Bình.

**4. Ông Nguyễn Văn T1.** Sinh năm 1967. Có mặt.

Địa chỉ: Tổ 5, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Có mặt

**5. Chị Nguyễn Thị T.** Sinh năm 1972. Có mặt.

Địa chỉ: Xóm K, xã Y, Thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

**6. Anh Nguyễn Văn T2.** Sinh năm 1976. Có mặt.

Địa chỉ: Tiểu khu Đ, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình.

**7. Ông Nguyễn Thanh C,** sinh năm 1933 (chết ngày 27/01/2017).

*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Thanh C là:* bà Bùi Thị X, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn T2.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Bùi Thị X, bị đơn ông Nguyễn Văn T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn T2, ông Nguyễn Văn T1.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị X, bản khai và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Năm 1970 bà X kết hôn với ông Nguyễn Thanh C, quá trình chung sống bà và ông C sinh được 04 người con là: Ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị T, ngoài ra không có người con nào khác. Ngày 27/01/2017 ông Nguyễn Thanh C chết.

Trong quá trình canh tác, bà đã cùng chồng và các con khai hoang lấy đất trồng màu, làm nương rẫy để trồng khoai, sắn từ những năm 1980 trở lại đây. Đến năm 2002 và 2012 theo chính sách của nhà nước về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, ông T đã tự ý kê khai đơn đăng ký quyền sử dụng đất các thửa đất và được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với: Thửa đất số 261 tờ bản đồ 25 có diện tích 2.780 m<sup>2</sup>, loại đất thổ cư tại xóm M, xã Y và các thửa đất: số 280 tờ bản đồ số 01 có diện tích: 7.948,2m<sup>2</sup> loại đất lâm nghiệp. Thửa 304 tờ bản đồ số 01 có diện tích: 3.491,9 m<sup>2</sup> đất lâm nghiệp. Thửa 343 tờ bản đồ số 01 có diện tích: 3.087,6m<sup>2</sup> loại đất lâm nghiệp. Thửa 471 tờ bản đồ 01 có diện tích: 1287,3 m<sup>2</sup> loại đất lâm nghiệp đều thuộc xóm M, xã Y, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

Bà X cho rằng: Nguồn gốc các thửa đất trên do vợ chồng bà cùng các con đã khai hoang và cải tạo đất. Do vậy, toàn bộ 05 thửa đất trên là tài sản chung của cả gia đình.

Nay bà đề nghị Tòa án chia 05 thửa đất trên cho 06 thành viên trong gia đình gồm: Bà X, ông C và các con là ông T, ông T1, bà T, ông T2 theo quy định pháp luật.

**- Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:**

Ông đồng ý với phần trình bày của bà X về diện tích đất, các thành viên trong gia đình, thời điểm bỏ ông mất. Ông khai bổ sung: Năm 2000, 2013 được sự thống nhất của cả gia đình ông đã đứng ra làm các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 261 tờ bản đồ 25 và các thửa đất số 280, 304, 343, 471 tờ bản đồ 01 thuộc xóm M, xã Y, Thành phố H

*Về nguồn gốc thửa đất ở và đất vườn thửa 261 tờ bản đồ 25.* Diện tích: 400m<sup>2</sup> đất ở và 2.380m<sup>2</sup> đất vườn theo GCNQSD đất tên hộ ông Nguyễn Văn T, do UBND thị xã Hòa Bình cấp ngày 27/12/2000: Năm 1987 ông cùng với vợ là bà Nguyễn Thị C1 (khi đó con gái là Nguyễn Thị Ch mới 01 tuổi) ra thửa đất số 261 để khai phá đất rừng làm nhà ở riêng và trồng hoa màu, đến năm 1988 ông C bà X ở cùng vợ chồng ông. Năm 1997, vợ chồng ông đóng gạch xây nhà, bỏ tiền xây dựng căn nhà mái bằng 1 tầng như hiện nay, không có sự đóng góp bằng tiền hay sức lao động của người khác. Quá trình sống chung ông C bà X làm những công việc nhẹ nhàng để giúp đỡ vợ chồng ông. Đến năm 2000, ông được nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc canh tác và sử dụng đất là do ông và bà X là chủ yếu, do khi đó ông C đi công tác xa nhà, các em ông còn nhỏ và đi học, các em ông chỉ tham gia canh tác một phần.

Đối với đất rừng sản xuất tại các thửa đất số: 280, 304, 343, 471: Trước năm 1987 vợ chồng ông cùng bà X đã khai phá đất nương để trồng hoa màu trên đất, ông C có tham gia để trồng rừng. Thời điểm đó các em ông còn nhỏ và đang đi học. Đến năm 2013 được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Văn T. Hiện nay các thửa đất trên ông đang quản lý, trên đất vợ chồng ông hiện đang trồng cây keo.

Quan điểm của ông T: Nguồn gốc các thửa đất trên chủ yếu là do bà X và ông khai phá canh tác, các em ông đã đi lấy vợ và lấy chồng ở nơi khác nên không được chia, hiện nay bà X vẫn đang sinh sống cùng vợ chồng ông, ông không đồng ý chia đất, nếu bà X ra ở riêng thì ông chỉ chia đất nông nghiệp còn các loại đất khác ông không đồng ý chia cho bà X.

**- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

**- Ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị T trình bày:**

Ông bà đồng ý với phần trình bày của bà X về diện tích đất, nguồn gốc đất, các thành viên trong gia đình, thời điểm bố ông mất. Ông bà cho rằng các thửa đất số 261 tờ bản đồ 25 và các thửa đất số 280, 304, 343, 471 tờ bản đồ 01 thuộc xóm M, xã Y, Thành phố H, tỉnh Hòa Bình là tài sản chung của cả gia đình.

Ông bà đề nghị Tòa án xác nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất và chia tài sản chung cho cho 06 thành viên gia đình.

Ngày 27/01/2017 ông C chết. Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông C là: Bà X, ông T, ông T2, ông T1 và bà T.

**- Bà Nguyễn Thị C1 trình bày:**

Bà trình bày thống nhất với lời khai của bị đơn ông Nguyễn Văn T (chồng bà).

*Quan điểm của bà:* Việc khai phá đất nương đồi để được các thửa đất như hiện nay là do vợ chồng bà, ông C, bà X khai phá, cải tạo đất. Nay bà X yêu cầu chia đất bà không đồng ý vì bà X cùng sống chung với vợ chồng bà.

**- Chị Nguyễn Thị Ch trình bày:**

Đối với các thửa đất đang tranh chấp có nguồn gốc trước đây bố mẹ chị (ông T, bà C1) đã khai hoang, khai phá nương đồi để trồng hoa màu và cải tạo đất. Quá trình khai hoang, khai phá đất chị còn nhỏ nên không tham gia lao động cùng gia đình. Đối với căn nhà và bếp xây dựng trên đất là do bố mẹ chị bỏ tiền và công sức ra làm nên, không có sự đóng góp bằng tiền và sức lao động của chị, do thời điểm xây nhà chị còn nhỏ đang đi học.

Quan điểm của chị: Bà X vẫn sinh sống cùng bố mẹ chị nên việc chia tài sản là nhà và đất là không cần thiết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Ngày 30/9/2016 Tòa xem xét tiến hành thẩm định tại chỗ và tiến hành đo đạc diện tích đất thực tế thửa đất số 261, tờ bản đồ số 25 có diện tích: 4.047,5m<sup>2</sup>. Biên bản định giá ngày 30/9/2016 của Hội đồng định giá cấp sơ thẩm xác định: Giá đất ở: 400.000/m<sup>2</sup>. Đất vườn là 60.000đồng/m<sup>2</sup>. Giá trị 93m<sup>2</sup> nhà xây cấp 4 trên thửa đất 261 là: 118.931.000 đồng. Giá trị 01m<sup>2</sup> đất rừng sản xuất tại thửa: 280, 304, 343, 471 tờ bản đồ số 01 là 12.000 đồng/m<sup>2</sup>.

Bản án Dân sự sơ thẩm số 01/2018/DSST ngày 03 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố H quyết định:

Áp dụng Điều 214, điều 224 của Bộ luật Dân sự 2005; khoản 29 điều 3, Điều 106, 107, 108, 109 Luật đất đai 2013; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận một phần yêu cầu của Nguyên đơn.

- Xác nhận quyền sử dụng đất số 261, tờ bản đồ số 25 thuộc xóm M, xã Y, thành phố H là tài sản chung của: ông C, bà X, bà C1, ông T, ông T1, ông T2, bà T, chị Tr, chị Ch và ngôi nhà mái bằng 4 gian gồm 01 gian buồng và 3 gian nhà ngoài, diện tích 93,8m<sup>2</sup> là tài sản chung của ông C, bà X, ông T, bà C1, ông T1, ông T2.

- Giao cho ông C, bà X, ông T1, ông T2, bà T do bà Bùi Thị X đại diện được sở hữu 02 gian nhà ngoài diện tích 44,4m<sup>2</sup> và giao cho ông C, bà X, ông T1, ông T2, bà T do bà Bùi Thị X đại diện quyền sử dụng phần diện tích 1569,8m<sup>2</sup> (trong đó có 200m<sup>2</sup> đất thổ cư) trên đó có 2 gian nhà.

- Giao cho bà C1, ông T do ông T đại diện được sở hữu 02 gian nhà (1 gian buồng và 1 gian nhà ngoài) diện tích 49,4m<sup>2</sup> và quyền sử dụng phần đất diện tích 2.477,7m<sup>2</sup> (trong đó có 200m<sup>2</sup> đất thổ cư) trên đó có 2 gian nhà.

Ranh giới nhà và đất được xác định: Là tim cột hiên nhà thứ nhất tính từ gian buồng chiếu vuông góc về trước và sau (có hình vẽ kèm theo).

Bà X có trách nhiệm xây bức tường chung là ranh giới phân chia nhà giữa hai bên.

Ông T, bà C1 phải thanh toán chênh lệch tài sản cho bà X, ông T1, ông T2, bà T, ông C do bà X làm đại diện 73.870.786 đồng.

- Xác nhận quyền sử dụng đất số 280, 304, 343, 471 thuộc tờ bản đồ 01 thuộc xóm M, xã Y, thành phố H là tài sản chung của: ông C, bà X, bà C1, ông T, ông T1, ông T2, bà T.

Giao cho ông T và bà C1 được quyền sử dụng các thửa đất số 280, 304, 343, 471 thuộc tờ bản đồ 01 thuộc xóm M, xã Y, thành phố H và có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản cho ông C, bà X, ông T1, ông T2, bà T do bà X làm đại diện giá trị bằng tiền là 120.769.091 đồng.

Tổng cộng: Ông T, bà C1 phải thanh toán chênh lệch tài sản cho bà X, ông T1, ông T2, bà T, ông C do bà X làm đại diện là: 194.639.877 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và T báo quyền kháng cáo của các bên đương sự.

**Ngày 16/01/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H kháng nghị** toàn bộ bản án Dân sự sơ thẩm số 01/2018/DSST ngày 03 tháng 01 năm 2018

của Tòa án nhân dân thành phố H theo quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS. Cụ thể:

+ *Về tố tụng*: Tòa án nhân dân thành phố H đã vi phạm Điều 5 BLTTDS năm 2015 về quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự. Cụ thể: Nguyên đơn bà Bùi Thị X cùng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chỉ yêu cầu xác định quyền sử dụng đất và phân chia quyền sử dụng đất tại thửa đất số 261 tờ bản đồ số 25, diện tích 2.780m<sup>2</sup> (như trong GCNQSD đất đã cấp). Tuy nhiên, tại phần nhận định của bản án xác định “*diện tích thực tế sử dụng được xác định là 4.047,5m<sup>2</sup> tại thửa 261, tờ bản đồ số 25 thuộc xóm M, xã Y, đây là tài sản chung chia cho các đồng sở hữu*” và phần quyết định của bản án đã phân chia đối với diện tích đất 4.047,5m<sup>2</sup>. Như vậy, Tòa án đã vượt quá phạm vi khởi kiện.

+ *Về nội dung*: Việc phân chia khối tài sản chung là quyền sử dụng đất tại các thửa đất chưa thỏa đáng, chưa tương xứng với công sức đóng góp của từng thành viên; Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm Điều 357 BLDS năm 2015 về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền; Bản án tuyên giao phần tài sản của ông C (đã chết) cho bà X đại diện quản lý là vi phạm vì bà X được sự đồng ý của ông T1, ông T2, bà T nhưng chưa được sự đồng ý của ông T, cần giao cho bà X và ông T đại diện để quản lý.

Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm vụ án dân sự theo hướng sửa bản án sơ thẩm.

**Ngày 22/01/2018 bị đơn ông Nguyễn Văn T kháng cáo với nội dung:** Nguồn gốc của 05 thửa đất đang tranh chấp do vợ chồng ông khai phá, sử dụng hợp pháp và được cấp GCNQSD đất mang tên ông. Căn nhà xây trên thửa đất số 261 do công sức đóng góp của vợ chồng ông. Ông không đồng ý chia đất cho bà X và các em ông vì bà X và các em ông không có công sức đóng góp khai phá đất và xây nhà.

**Ngày 15/01/2018 bà Bùi Thị X, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn T2, ông Nguyễn Văn T1 kháng cáo** với nội dung không đồng ý với toàn bộ quyết định của bản án sơ thẩm:

+ Yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm chia đất thổ cư và đất vườn thửa 261, tờ bản đồ số 25, diện tích 400m<sup>2</sup> đất ở và 2.380m<sup>2</sup> đất vườn theo GCNQSD đất tên hộ ông Nguyễn Văn T, do UBND thị xã Hòa Bình cấp ngày 27/12/2000 cho 6 người diện tích đất bằng nhau: Ông C, bà X, ông T, ông T1, bà T, ông T2.

+ Đối với ngôi nhà mái bằng diện tích 93,8m<sup>2</sup> xây dựng trên thửa đất số 261 chia cho 6 người diện tích bằng nhau: Ông C, bà X, ông T, bà C1 (vợ ông T), ông T1 và ông T2. Giao phần diện tích nhà ở được chia của ông C, bà X ông T1 và ông T2 cho bà X là đại diện quản lý, sử dụng. Giao diện tích nhà ở được

chia của ông T, bà C1 cho ông T đại diện quản lý, sử dụng. Ông T có trách nhiệm xây bức tường chung ranh giới hai bên.

+ Đối với diện tích đất lâm nghiệp tại các 03 thửa: 280 tờ bản đồ số 10 diện tích: 7.948,2 m<sup>2</sup>; 304 tờ bản đồ số 01 diện tích 3.491,9 m<sup>2</sup>; 471 tờ bản đồ số 01 diện tích: 1.287,3 m<sup>2</sup> chia cho 05 người: Ông C, bà X, ông T1, bà T và ông T2 và giao cho bà X quản lý, sử dụng. Diện tích đất rừng tại thửa 343, tờ bản đồ số 1, diện tích: 3.087,6 m<sup>2</sup> giao cho ông T quản lý, sử dụng.

Ngày 02/4/2018, bà Bùi Thị X kháng cáo bổ sung: Bà có nguyện vọng sử dụng ngôi nhà làm nơi thờ cúng tổ tiên, bà có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho những người được chia. Chia đều đất lâm nghiệp tại các thửa: 280; 304; 343; 471 tờ bản đồ số 01 thành 06 phần diện tích đất bằng nhau cho 06 người: Hai vợ chồng bà và 04 người con đẻ. Đối với thửa đất lâm nghiệp số 304 tờ bản đồ số 01, bà yêu cầu chia cho nguyên đơn và giao cho bà đi diện quản sử dụng với lý do: khu đất này dùng làm nghĩa trang của gia đình.

Ngày 23/4/2018, ông Nguyễn Văn T1 có đơn từ chối làm đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn bà Bùi Thị X và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn T2.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Viện kiểm sát thành phố H giữ nguyên nội dung kháng nghị. Các đương sự: Bà Bùi Thị X, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn T2, ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Văn T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

\* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình phát biểu ý kiến:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tòa cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng Dân sự. Về nội dung có nhiều thiết sót. Đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

### **Về tố tụng:**

[1]. Nguyên đơn bà Bùi Thị X khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Văn T yêu cầu chia tài sản chung. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xóm M, xã Y, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 9 Điều 27 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân thành phố H thụ lý, giải quyết vụ án là đúng với quy định của pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của bà Bùi Thị X, ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị T.

Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ kiện trên, cấp sơ thẩm đã có những vi phạm thủ tục tố tụng, cụ thể:

[2.1]. Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn cũng như tại đơn kháng cáo và kháng cáo bổ sung của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều phản ánh: Thửa đất số 261, tờ bản đồ số 25 có diện tích 2.780m<sup>2</sup>, trong đó có 400m<sup>2</sup> đất thổ cư tại xóm M, xã Y, thành phố H đã được Ủy ban nhân dân thị xã Hòa Bình cấp Giấy CNQSD đất ngày 27/12/2000 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn T.

Là tài sản chung của hộ gia đình, đề nghị Tòa chia tài sản chung cho 06 người gồm ông C, bà X, ông T, ông T1, bà T, ông T2.

Nhưng khi tiến hành đo đạc thực tế thửa số 261 tờ bản đồ số 25 tại xóm M, xã Y thì diện tích đất là 4.047,5m<sup>2</sup> diện tích đất dôi dư trên chưa được cấp Giấy CNQSD đất (cấp bổ sung). Tòa sơ thẩm đã xác định và chia toàn bộ diện tích 4.047,5 m<sup>2</sup> là vi phạm pháp luật về quản lý đất đai của Nhà nước, vi phạm Điều 5 BLTTDS năm 2015 về quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự.

[2.2]. Tại đơn khởi kiện nguyên đơn không yêu cầu chia tài sản chung là ngôi nhà xây dựng trên thửa đất số 261 tờ bản đồ số 25 tại xóm M, xã Y.

Nhưng cấp sơ thẩm lại xác lập sau và tiến hành giải quyết việc phân chia ngôi nhà nằm trên thửa đất 261 là vi phạm Điều 5 BLTTDS năm 2015.

[2.3]. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Thanh C chết ngày 27/01/2017 nhưng trong quyết định của bản án lại giao cho ông C được sở hữu... là không đúng pháp luật. Trong trường hợp này cần giao cho người đại diện của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Thanh C là hợp lý theo quy định pháp luật.

Trong quyết định của bản án sơ thẩm không tuyên về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là vi phạm Điều 375 BLTTDS năm 2015.

Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn T: Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ nên không chấp nhận.

### **Về nội dung vụ án:**

Do tính chất phức tạp của vụ kiện, trước tiên cần phải xác định rõ đối tượng khởi kiện, phạm vi khởi kiện, những yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết.



Trong vụ án này, cấp sơ thẩm có nhiều thiếu sót khi xác định phạm vi khởi kiện để tiến hành giải quyết vụ án cụ thể, đương sự chỉ yêu cầu xác định và phân chia quyết sử dụng diện tích 2.780 m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 261 tờ bản đồ số 25 thì Tòa tiến hành đo đạc thực tế và xác định diện tích và đã chia 4.047,5m<sup>2</sup>.

Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn không yêu cầu phân chia tài sản là ngôi nhà nằm trên thửa đất số 261 tờ bản đồ số 25, nhưng Tòa đã xác lập và tiến hành phân chia ngôi nhà là không đúng.

Từ những phân tích trên cho thấy án sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, có nhiều thiếu sót khi xác định về những nội dung cần giải quyết của vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm không thể khắc phục được, nên cần chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H và một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Bùi Thị X, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn T2, ông Nguyễn Văn T1 là có căn cứ. Cần hủy bản án sơ thẩm số 01/2018/DS-ST, ngày 03 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố H và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bà Bùi Thị X, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn T2, ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Văn T không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn trả lại tiền dự phí kháng cáo.

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng Dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Xử:** Chấp nhận yêu cầu kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H và một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Bùi Thị X, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn T2, ông Nguyễn Văn T1.

**Tuyên:** Hủy bản án sơ thẩm số 01/2018/DS-ST, ngày 03 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

**2. Về án phí:**

Bà Bùi Thị X, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn T2, ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Văn T không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm, cụ thể: Bà Bùi Thị X theo biên lai thu số: 0005037 ngày 15/01/2018; Bà Nguyễn Thị T theo biên lai thu số 0005040 ngày 17/01/2018; Ông Nguyễn Văn T2 theo biên lai thu số 0005042 ngày 17/01/2018; Ông Nguyễn Văn T1 theo biên lai thu số 0005036 ngày 15/01/2018; Ông Nguyễn Văn T theo biên lai thu số 00055103

ngày 22/01/2018 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND cấp cao; VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- TAND thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Phạm Đình Thủy**